

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 27
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103008442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 07 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 14 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 79 Lạc Trung, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Diệu Thùy	Chủ tịch
Ông: Trần Thành Vinh	Phó chủ tịch
Ông: Phạm Hoàng Long	Thành viên
Ông: Nguyễn Xuân Thu	Thành viên
Bà: Trần Thị Quỳnh Giao	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Trần Thị Quỳnh Giao	Tổng Giám đốc
Ông: Phạm Quang Vũ	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Phùng Thị Kim Lan	Trưởng ban
Bà: Lê Thị Dung	Thành viên
Bà: Nguyễn Thu Hương	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;



- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

---

**Trần Thị Quỳnh Giao**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2022



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc được lập ngày 14 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2018-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

**Đoàn Thị Thúy**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0937-2018-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>73.093.294.381</b>	<b>66.177.989.352</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>70.387.997.607</b>	<b>65.398.562.405</b>
111	1. Tiền		32.387.997.607	36.398.562.405
112	2. Các khoản tương đương tiền		38.000.000.000	29.000.000.000
130	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>514.698.481</b>	<b>536.980.697</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	1.320.000	57.542.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	225.300.000	225.300.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	288.078.481	254.138.697
150	<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.190.598.293</b>	<b>242.446.250</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	08	86.327.465	242.446.250
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	2.104.270.828	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>37.724.854.668</b>	<b>40.354.736.676</b>
220	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>37.724.854.668</b>	<b>40.354.736.676</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	37.724.854.668	40.354.736.676
222	- Nguyên giá		82.522.527.733	82.522.527.733
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(44.797.673.065)	(42.167.791.057)
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>110.818.149.049</b>	<b>106.532.726.028</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.298.855.460</b>	<b>6.373.940.451</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.298.855.460</b>	<b>6.373.940.451</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	09	301.629	31.934.001
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.640.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	1.383.588.604	1.839.601.001
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		40.000.000	40.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	11	1.881.815.485	1.981.723.485
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.990.509.742	2.480.681.964
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>105.519.293.589</b>	<b>100.158.785.577</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	12	<b>105.519.293.589</b>	<b>100.158.785.577</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		57.029.400.000	57.029.400.000
411a	<i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>		57.029.400.000	57.029.400.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		29.326.136.521	27.209.423.824
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.163.757.068	15.919.961.753
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		11.245.681.978	7.453.110.960
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		7.918.075.090	8.466.850.793
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>110.818.149.049</b>	<b>106.532.726.028</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Đức Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Thị Quỳnh Giao



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	22.593.129.147	22.682.602.637
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.593.129.147	22.682.602.637
11	4. Giá vốn hàng bán	15	6.981.459.694	10.012.923.013
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.611.669.453	12.669.679.624
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	3.075.061.593	4.167.880.227
22	7. Chi phí tài chính		508.629	84.904
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	5.229.339.798	6.571.430.974
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.456.882.619	10.266.043.973
31	11. Thu nhập khác	18	1.551.824.363	1.475.996.393
32	12. Chi phí khác	19	1.647.499.413	1.708.058.989
40	13. Lợi nhuận khác		(95.675.050)	(232.062.596)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.361.207.569	10.033.981.377
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	2.021.368.479	1.567.130.584
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>11.339.839.090</u>	<u>8.466.850.793</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	<u>1.988</u>	<u>1.485</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Đức Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Thị Quỳnh Giao



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2021**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		26.577.657.672	26.324.941.635
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.922.763.510)	(2.388.803.423)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.972.479.500)	(3.287.090.650)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.184.842.157)	(1.639.894.674)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		68.038.000	501.706.000
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.478.492.274)	(11.346.906.548)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>7.087.118.231</b>	<b>8.163.952.340</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(25.000.000.000)	-
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		25.000.000.000	-
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	25.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.037.193.100	4.519.342.743
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>3.037.193.100</b>	<b>29.519.342.743</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.134.367.500)	(1.710.466.800)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(5.134.367.500)</b>	<b>(1.710.466.800)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>4.989.943.831</b>	<b>35.972.828.283</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		65.398.562.405	29.425.819.026
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(508.629)	(84.904)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	03	<b>70.387.997.607</b>	<b>65.398.562.405</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Đức Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Thị Quỳnh Giao



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103008442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 07 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 14 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 79 Lạc Trung, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 57.029.400.000 đồng; tương đương 5.702.940 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 34 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 34 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Gia công sản phẩm may mặc và cho thuê kho, văn phòng, kinh doanh bất động sản.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh văn phòng làm việc;
- Kinh doanh kho bãi;
- Gia công hàng may mặc.
- Kinh doanh bất động sản.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Từ năm 2017, hoạt động gia công may mặc của Công ty tạm dừng. Hoạt động chính của Công ty trong năm 2021 tập trung chủ yếu vào hoạt động cho thuê kho. Trong năm, số lượng khách hàng thuê kho giảm và một số khách hàng cũ có điều chỉnh giảm diện tích thuê so với năm trước nhưng không đáng kể. Do vậy, doanh thu cho thuê của năm 2021 biến động không đáng kể so với năm 2020.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2021 tăng 31,08% so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do năm nay Công ty ghi nhận doanh thu tài chính từ lãi Hợp đồng đầu tư (hỗ trợ vốn) cho Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Thương mại Thái Minh, giá trị lãi trong năm 2021 là 1,89 tỷ đồng. Cùng với đó, năm 2021 Giá vốn hoạt động kinh doanh của Công ty giảm mạnh, nguyên nhân giảm do Công ty được hưởng chính sách giảm giá tiền thuê đất do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.6. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Một số nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty vừa được sử dụng cho mục đích chủ sở hữu sử dụng, vừa được sử dụng để cho thuê. Tuy nhiên, hoạt động cho thuê chỉ được triển khai trong ngắn hạn, Công ty dự kiến sẽ triển khai Dự án “Trung tâm Thương mại - Dịch vụ, văn phòng làm việc và chung cư cao tầng” trong thời gian tới trên phần tài sản này (xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 24). Vì vậy, toàn bộ giá trị của các nhà cửa, vật kiến trúc này được Công ty theo dõi trên Khoản mục Tài sản cố định hữu hình. Tại ngày 31/12/2021, Nguyên giá tài sản cố định là Nhà cửa vật kiến trúc tại kho Đức Giang đang được cho thuê là: 48.273.296.865 VNĐ.



Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 06 năm

## 2.7. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: Chi phí trả trước là chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận theo thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

## 2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.10. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.12. Doanh thu

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2021 do có tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm không quá 200 tỷ đồng và doanh thu năm 2021 giảm so với doanh thu năm 2019.



### 2.15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.17. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cho thuê kho và diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	37.202.397	84.889.876
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.350.795.210	36.313.672.529
Các khoản tương đương tiền	38.000.000.000	29.000.000.000
	<u>70.387.997.607</u>	<u>65.398.562.405</u>

Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tiền gửi số 50836.21.065.274766.TG.DN tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng:
  - + Giá trị: 11.000.000.000 VND;
  - + Kỳ hạn: Từ 20/10/2021 - 20/01/2022;
  - + Lãi suất: 3%/năm (365 ngày/năm);

- Hợp đồng tiền gửi số 50834.21.065.274766.TG.DN tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng:
  - + Giá trị: 11.000.000.000 VND;
  - + Kỳ hạn: Từ 20/10/2021 - 20/01/2022;
  - + Lãi suất: 3%/năm (365 ngày/năm);

- Hợp đồng tiền gửi số 50835.21.065.274766.TG.DN tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng:
  - + Giá trị: 11.000.000.000 VND;
  - + Kỳ hạn: Từ 20/10/2021 - 20/01/2022;
  - + Lãi suất: 3%/năm (365 ngày/năm);



- Tiền gửi tiết kiệm vào tài khoản số 0001021986030 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch;
- + Giá trị: 5.000.000.000 VND;
- + Kỳ hạn: Từ 10/11/2021 - 11/01/2022;
- + Lãi suất: 3,3%/năm (365 ngày/năm);

#### 4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Phong cách Âu Châu	-	-	57.542.000	-
- Công ty TNHH KAO Việt Nam	1.320.000	-	-	-
	<b>1.320.000</b>	<b>-</b>	<b>57.542.000</b>	<b>-</b>

#### 5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Liên doanh SACIDELTA	225.300.000	-	225.300.000	-
	<b>225.300.000</b>	<b>-</b>	<b>225.300.000</b>	<b>-</b>
<b>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 26)</i>	<b>225.300.000</b>	<b>-</b>	<b>225.300.000</b>	<b>-</b>

#### 6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu người lao động	1.200.000	-	1.200.000	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	235.068.493	-	197.200.000	-
- Phải thu khác	51.809.988	-	55.738.697	-
	<b>288.078.481</b>	<b>-</b>	<b>254.138.697</b>	<b>-</b>



**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ dùng trong quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	77.446.040.514	376.291.000	2.038.765.454	2.661.430.765	82.522.527.733
Số dư cuối năm	<b>77.446.040.514</b>	<b>376.291.000</b>	<b>2.038.765.454</b>	<b>2.661.430.765</b>	<b>82.522.527.733</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	38.084.591.973	188.327.611	2.038.765.454	1.856.106.019	42.167.791.057
- Khấu hao trong năm	2.510.327.628	62.715.168	-	56.839.212	2.629.882.008
Số dư cuối năm	<b>40.594.919.601</b>	<b>251.042.779</b>	<b>2.038.765.454</b>	<b>1.912.945.231</b>	<b>44.797.673.065</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	39.361.448.541	187.963.389	-	805.324.746	40.354.736.676
Tại ngày cuối năm	<b>36.851.120.913</b>	<b>125.248.221</b>	-	<b>748.485.534</b>	<b>37.724.854.668</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.363.536.226 VND

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Chi phí bảo hiểm cháy nổ	-	32.707.500
- Chi phí sửa chữa lớn	86.327.465	-
- Chi phí cải tạo kho Đức Giang	-	209.738.750
	<b>86.327.465</b>	<b>242.446.250</b>

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty Điện lực Long Biên	-	-	31.934.001	31.934.001
- Chi nhánh Công ty TNHH SG Sagawa Việt Nam tại Hà Nội	301.629	301.629	-	-
	<b>301.629</b>	<b>301.629</b>	<b>31.934.001</b>	<b>31.934.001</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	1.061.928.617	2.251.508.349	2.547.428.793	-	766.008.173
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	740.050.896	2.021.368.479	2.184.842.157	-	576.577.218
- Thuế thu nhập cá nhân	-	37.621.488	165.143.670	161.761.945	-	41.003.213
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	5.362.408.619	7.466.679.447	2.104.270.828	-
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	<b>1.839.601.001</b>	<b>9.803.429.117</b>	<b>12.363.712.342</b>	<b>2.104.270.828</b>	<b>1.383.588.604</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.847.245.000	1.945.431.500
- Cổ tức phải trả	20.389.782	22.188.682
- Phải trả khác	14.180.703	14.103.303
	<b>1.881.815.485</b>	<b>1.981.723.485</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	112.763.000	124.863.000
- Cổ tức phải trả và Phải trả khác	23.386.082	24.808.482
	<b>136.149.082</b>	<b>149.671.482</b>

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>25.541.189.048</b>	<b>11.499.521.646</b>	<b>94.070.110.694</b>
Lãi trong năm trước	-	-	8.466.850.793	8.466.850.793
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.668.234.776	(1.668.234.776)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(667.293.910)	(667.293.910)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	(1.710.882.000)	(1.710.882.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>27.209.423.824</b>	<b>15.919.961.753</b>	<b>100.158.785.577</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>27.209.423.824</b>	<b>15.919.961.753</b>	<b>100.158.785.577</b>
Lãi trong năm nay	-	-	11.339.839.090	11.339.839.090
Trích Quỹ đầu tư phát triển (1)	-	2.116.712.697	(2.116.712.697)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	(846.685.078)	(846.685.078)
Chia cổ tức năm 2020 (1)	-	-	(1.710.882.000)	(1.710.882.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2021 (2)	-	-	(3.421.764.000)	(3.421.764.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>29.326.136.521</b>	<b>19.163.757.068</b>	<b>105.519.293.589</b>



(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 11/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020		8.466.850.793
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	25%	2.116.712.697
Trích Quỹ khen thưởng Phúc lợi	10%	846.685.078
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (3% Vốn Điều lệ) (tương ứng mỗi cổ phần nhận 300 đồng)		1.710.882.000

(2) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2021/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 10 năm 2021, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền (Đợt 1) năm 2021 theo mức 6% vốn điều lệ.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	19.960.290.000	35,00%	19.960.290.000	35,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng	19.960.290.000	35,00%	19.960.290.000	35,00%
Bà Trần Minh Quỳnh Dung	6.171.870.000	10,82%	6.171.870.000	10,82%
Ông Phạm Hoàng Long	5.642.750.000	9,89%	2.835.830.000	4,97%
Cổ đông khác	5.294.200.000	9,29%	8.101.120.000	14,21%
	<b>57.029.400.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>100,00%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	57.029.400.000	57.029.400.000
- Vốn góp cuối năm	57.029.400.000	57.029.400.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	22.188.682	21.773.482
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	5.132.568.600	1.710.882.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.710.882.000	1.710.882.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	3.421.686.600	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	5.134.367.500	1.710.466.800
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước	1.712.680.900	1.710.466.800
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	3.421.686.600	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<b>20.389.782</b>	<b>22.188.682</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.702.940	5.702.940
- Cổ phiếu phổ thông	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.702.940	5.702.940
- Cổ phiếu phổ thông	5.702.940	5.702.940
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000



e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	29.326.136.521	27.209.423.824
	<b>29.326.136.521</b>	<b>27.209.423.824</b>

**13. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tài sản cho thuê ngoài của Công ty tại ngày 31/12/2021 là nhà kho tại Đức Giang với diện tích 25.482 m<sup>2</sup>. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được xác định như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	22.970.580.000	25.071.222.000

b) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất dài hạn 30 năm tại lô đất mã điểm đất LBI0202, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội (từ năm 2004 đến năm 2034) và Số 79, phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (từ năm 2003 đến năm 2033), sử dụng đất với mục đích sản xuất kinh doanh. Diện tích khu đất thuê lần lượt là 25.482 m<sup>2</sup> và 12.423 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty sở hữu sổ đỏ các khu đất và phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2021	01/01/2021
- Đô la Mỹ	USD	1.263,43	1.276,63

**14. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.593.129.147	22.682.602.637
	<b>22.593.129.147</b>	<b>22.682.602.637</b>

**15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.981.459.694	10.012.923.013
	<b>6.981.459.694</b>	<b>10.012.923.013</b>



**16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.075.061.593	1.138.789.318
Lợi nhuận được chia của hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	3.029.090.909
	<b>3.075.061.593</b>	<b>4.167.880.227</b>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 26)	-	3.029.090.909

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.880.591.500	1.916.931.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	77.548.236	77.548.236
Thuế, phí và lệ phí	2.197.050.802	3.001.771.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	618.369.538	641.578.038
Chi phí khác bằng tiền	455.779.722	933.601.476
	<b>5.229.339.798</b>	<b>6.571.430.974</b>

**18. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền trông giữ xe	602.059.092	563.440.000
Tiền điện, nước của đối tượng thuê kho, văn phòng	925.763.369	866.608.006
Thu nhập khác	24.001.902	45.948.387
	<b>1.551.824.363</b>	<b>1.475.996.393</b>

**19. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền điện, nước của đối tượng thuê kho, văn phòng	858.639.605	849.065.332
Các khoản bị phạt	7.000.000	80.000.000
Chi phí khấu hao của tài sản cố định không sử dụng tại Lạc Trung	775.327.680	775.327.680
Chi phí khác	6.532.128	3.665.977
	<b>1.647.499.413</b>	<b>1.708.058.989</b>



**20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	13.361.207.569	10.033.981.377
Các khoản điều chỉnh tăng	1.077.138.709	1.159.808.508
- Chi phí không hợp lệ	294.811.029	304.480.828
- Chi phí khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất kinh doanh trong năm	775.327.680	775.327.680
- Các khoản phạt	7.000.000	80.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	14.438.346.278	11.193.789.885
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>2.887.669.256</b>	<b>2.238.757.977</b>
Thuế TNDN được giảm năm 2021 và 2020 căn cứ Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ	(866.300.777)	(671.627.393)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.021.368.479</b>	<b>1.567.130.584</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	740.050.896	812.814.986
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.184.842.157)	(1.639.894.674)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>576.577.218</b>	<b>740.050.896</b>

**21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	11.339.839.090	8.466.850.793
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.339.839.090	8.466.850.793
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.702.940	5.702.940
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.988</b>	<b>1.485</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.



## 22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.662.531.000	4.042.409.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.854.554.328	1.932.048.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.237.934.442	9.676.294.297
Chi phí khác bằng tiền	455.779.722	933.601.476
	<b>12.210.799.492</b>	<b>16.584.353.987</b>

## 23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.387.997.607	-	65.398.562.405	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	289.398.481	-	311.680.697	-
	<b>70.677.396.088</b>	<b>-</b>	<b>65.710.243.102</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	1.882.117.114	2.013.657.486
Chi phí phải trả	40.000.000	40.000.000
	<b>1.922.117.114</b>	<b>2.053.657.486</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.387.997.607	-	-	70.387.997.607
Phải thu khách hàng, phải thu khác	289.398.481	-	-	289.398.481
	<b>70.677.396.088</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>70.677.396.088</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.398.562.405	-	-	65.398.562.405
Phải thu khách hàng, phải thu khác	311.680.697	-	-	311.680.697
	<b>65.710.243.102</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>65.710.243.102</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.882.117.114	-	-	1.882.117.114
Chi phí phải trả	40.000.000	-	-	40.000.000
	<b>1.922.117.114</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.922.117.114</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.013.657.486	-	-	2.013.657.486
Chi phí phải trả	40.000.000	-	-	40.000.000
	<b>2.053.657.486</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.053.657.486</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**24. THÔNG TIN KHÁC**

Hoạt động đầu tư dự án "Trung tâm Thương mại - Dịch vụ, văn phòng làm việc và chung cư cao tầng" tên gọi cũ: "Tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê (Dự án Red River View)":

- Giai đoạn trước ngày 05/09/2017:
- + Căn cứ triển khai dự án: Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VSMMMB ngày 07/11/2016 của Hội đồng Quản trị;
- + Tên dự án: Dự án tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê (Dự án Red River View);
- + Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc;



- + Địa điểm thực hiện dự án: Tại khu đất số 79 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;
- + Mục đích đầu tư: Đầu tư tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê;
- + Quy mô dự án: Dự án được xây dựng trên khu đất rộng 12.407 m<sup>2</sup>; 03 tầng hầm; 24 tầng nổi; mật độ 39%; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 145.000 m<sup>2</sup>;
- + Tổng mức đầu tư dự án dự kiến: 1.300.000.000.000 đồng;
- + Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu. Số cổ phần dự kiến phát hành thêm là 12.318.350 cổ phần. Tổng vốn điều lệ sau khi phát hành dự kiến là 180.212.900.000 đồng. Thời gian phát hành sẽ được Hội đồng Quản trị Công ty quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép;
- + Thời gian thực hiện dự án: Dự kiến từ năm 2017 đến năm 2020;
- + Tình trạng dự án tính đến thời điểm 05/09/2017: Đang tiến hành lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

- Giai đoạn từ ngày 05/09/2017 đến nay:

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc quản lý sử dụng khu đất 79 Lạc Trung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Nhật Anh quản lý sử dụng khu đất 605 Minh Khai cùng hợp tác đầu tư xây dựng dự án trên hai khu đất này. Các nội dung thay đổi bao gồm:

- + Căn cứ triển khai dự án: Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VSMMM ngày 07/11/2016 của Hội đồng Quản trị. Hợp đồng kinh doanh số 09-2017/HĐHTKD ngày 05/09/2017 giữa Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc quản lý sử dụng khu đất 79 Lạc Trung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Nhật Anh;
- + Tên dự án: đổi tên dự án từ "Dự án Tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê (Dự án Red River View)" thành "Trung tâm Thương mại - Dịch vụ, văn phòng làm việc và chung cư cao tầng";
- + Chủ đầu tư: Liên doanh nhà đầu tư Công ty Cổ phần Vải Sợi May mặc Miền Bắc và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Nhật Anh;
- + Địa điểm thực hiện dự án: 79 Lạc Trung và 605 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;
- + Mục đích đầu tư: Đầu tư Tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê;
- + Quy mô dự án: Đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp khối tại 02 khu đất trên (tổng diện tích 16.306 m<sup>2</sup>);
- + Tổng mức đầu tư dự án dự kiến: 1.889.340.000.000 đồng;
- + Nguồn vốn đầu tư: Giai đoạn 1 Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc góp 75% tương ứng 283.401.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Nhật Anh góp 25% tương ứng 94.467.000.000 đồng; Giai đoạn 2 các bên thỏa thuận giá trị phần vốn góp của mỗi bên dựa trên diện tích và đơn giá xây dựng;
- + Thời gian thực hiện dự án: Theo tiến độ được duyệt;
- + Do đặc thù của dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã có Văn bản số 2467/KH&ĐT-NNS ngày 27/04/2018 về việc đề xuất nghiên cứu lập và triển khai dự án đầu tư theo hình thức hợp khối tại khu đất số 79A Lạc Trung và 605 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Trong đó Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch và hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu đất theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị, đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và pháp luật hiện hành;
- + Tình trạng dự án đến 31/12/2021: Đã nộp hồ sơ và đang chờ phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

## 25. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 05/01/2022 của Hội đồng Quản trị phê duyệt về việc cho Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Thương mại Thái Minh vay vốn. Theo đó, ngày 06/01/2022, Công ty và Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Thương mại Thái Minh đã ký hợp đồng vay vốn số 02/HDDTV/VSMB-TM với các nội dung sau:

- Tổng số tiền đầu tư (cho vay vốn): 25.000.000.000 đồng;
- Lãi suất đầu tư: 7,8%/năm;
- Thời gian hoàn vốn chậm nhất đến ngày 31/12/2022;
- Mục đích đầu tư: Phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Thương mại Thái Minh.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.



## 26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Liên doanh SACIDELTA	Công ty liên kết của Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta - Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể của Công ty
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta-V	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể của Công ty

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Doanh thu tài chính</b>	-	<b>3.029.090.909</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta-V	-	3.029.090.909

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>225.300.000</b>	<b>225.300.000</b>
Công ty TNHH Liên doanh SACIDELTA	225.300.000	225.300.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác:

Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020	
	VND	VND	
<b>Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị</b>			
- Nguyễn Thị Diệu Thùy	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	97.000.000
- Trần Thành Vinh	Phó chủ tịch HĐQT	54.000.000	54.000.000
- Phạm Hoàng Long	Thành viên HĐQT	48.000.000	25.600.000
- Nguyễn Xuân Thu	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
- Trần Thị Quỳnh Giao	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
- Trần Minh Quỳnh Dung	Thành viên HĐQT	-	22.400.000
	(Miễn nhiệm ngày 19/06/2020)		
	<b>294.000.000</b>	<b>295.000.000</b>	
<b>Thù lao, tiền lương thành viên Ban kiểm soát</b>			
- Phùng Thị Kim Lan	Trưởng ban kiểm soát	139.880.000	127.470.000
- Lê Thị Dung	Thành viên kiểm soát	24.000.000	24.000.000
- Nguyễn Thu Hương	Thành viên kiểm soát	24.000.000	24.000.000
	<b>187.880.000</b>	<b>175.470.000</b>	
<b>Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác</b>			
- Trần Thị Quỳnh Giao	Tổng Giám đốc	344.500.000	305.100.000
- Phạm Quang Vũ	Phó Tổng Giám đốc	218.135.000	220.600.000
- Nguyễn Thị Đức Hà	Kế toán trưởng	217.610.000	202.500.000
	<b>780.245.000</b>	<b>728.200.000</b>	



**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Đức Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Đức Hà

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Thị Quỳnh Giao

